TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LONG MỸ** **TỈNH HẬU GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 199/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 16 – 9 – 2019
V/v: Tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG MỸ, TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Thừa

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Phạm Ngọc Anh

2. Nguyễn Thanh Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Võ Ngân Tâm là Thư ký Toà án nhân dân huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa: Ông Mạch Văn Hiểu – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 9 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 05/2019/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 02 năm 2019 về "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 62/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 8 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 63/2019/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 8 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Anh Đào Phú T, sinh năm: 1994

Cư trú tại: Ấp K, xã T, huyện V, tỉnh Hậu Giang.

- *Bị đơn*: Chị Phạm Thị Hồng N, sinh năm: 1997

Cư trú tại: Ấp H, thị trấn V, huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

Nguyên đơn có mặt; bị đơn vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 18/02/2019 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Đào Phú T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân*:* Anh và chị Phạm Thị Hồng N tự nguyện tổ chức đám cưới vào năm 2014. Đến năm 2016 thì đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang. Anh chị sống chung hạnh phúc đến cuối năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, tính tình không phù hợp. Vợ chồng nhiều lần tìm cách hàn gắn gia đình nhưng không thành nên anh yêu cầu được ly hôn với chị Phạm Thị Hồng N.

Về con chung: Quá trình chung sống anh và chị N có 01 con chung là cháu Đào Nhật H (giới tính: nam) sinh ngày 15/11/2014, hiện đang sống chung với anh; anh yêu cầu nuôi cháu Nhật H, không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Anh xác định không có, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Anh xác định không có, không yêu cầu giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, bị đơn chị Phạm Thị Hồng N đã được Toà án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không lý do nên không ghi nhận được ý kiến của chị N.

Tại phiên tòa anh Đào Phú T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đối với chị Phạm Thị Hồng N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về thủ tục tố tụng:

[1]. Các đương sự tranh chấp với nhau về việc ly hôn. Xác định đây là quan hệ pháp luật "Tranh chấp về ly hôn". Căn cứ Điều 28, 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

[2]. Đối với bị đơn chị Phạm Thị Hồng N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng tại phiên tòa vắng mặt không có lý do. Căn cứ quy định tại Điều 227, Điều 228, Điều 233 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn nhưng vẫn đảm bảo quyền, nghĩa vụ của đương sự theo quy định pháp luật.

[3]. Tại phiên tòa Kiểm sát viên vắng mặt và có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 232 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt Kiểm sát viên theo quy định.

Về nội dung vụ án:

[4]. *Về quan hệ hôn nhân:*

Anh Đào Phú T và chị Phạm Thị Hồng N tự nguyện tổ chức đám cưới vào năm 2014, đến năm 2016 thì đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang. Quá trình chung sống anh T và chị N phát sinh mâu thuẫn không thể hàn gắn được nên anh T yêu cầu xin ly hôn với chị N.

Quá trình giải quyết vụ án, anh T xác định do bất đồng quan điểm trong cuộc sống vợ chồng nên giữa anh chị thường hay cự cãi dẫn đến hôn nhân không hạnh phúc. Hai bên đã tìm cách hàn gắn mối quan hệ vợ chồng nhưng không thành nên đã không còn sống chung từ cuối năm 2016 đến nay. Căn cứ vào kết quả xác minh, căn cứ vào tài liệu chứng cứ trong hồ sơ, có đủ cơ sở kết luận: Quan hệ tình cảm vợ chồng giữa anh T và chị N thật sự có mâu thuẫn trầm trọng, vợ chồng không còn thương yêu, quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, không cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc. Từ đó cho thấy, đời sống chung của vợ chồng anh T, chị N không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận yêu cầu của anh T; cho ly hôn giữa anh T và chị N.

[5]. *Về con chung:* Đối với cháu Đào Nhật H (giới tính: nam) sinh ngày 15/11/2014, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa anh T yêu cầu nuôi dưỡng. Hơn nữa, cháu H đã sống chung với anh T từ nhỏ và được anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Vì vậy, để tạo thuận lợi cho việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung; để đảm bảo lợi ích, sự ổn định trong cuộc sống và sự phát triển toàn diện về tâm sinh lý của trẻ; Căn cứ Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử thống nhất giao cháu Đào Nhật H cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng. Anh T không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét. Chị N có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi về việc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

[6]. *Về tài sản chun và nợ chung:* Anh T xác định không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[7]. *Về án phí:* Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Anh Đào Phú T phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 232, 233 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Áp dụng Điều 14, 19, 53, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Đào Phú T đối với chị Phạm Thị Hồng N.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa anh Đào Phú T và chị Phạm Thị Hồng N.

2. Về con chung: Giao cháu Đào Nhật H (giới tính: nam) sinh ngày 15/11/2014 cho anh Đào Phú T nuôi dưỡng. Anh Đào Phú T không yêu cầu chị Phạm Thị Hồng N cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét. Chị Phạm Thị Hồng N có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Anh Đào Phú T xác định không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Anh Đào Phú T phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng). Khấu trừ tiền tạm ứng án phí anh T đã nộp theo biên lai thu tiền số 0019584 lập ngày 22/02/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang thành án phí.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi

hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (16/9/2019). Bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết, tống đạt theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Ngô Thừa

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hậu Giang;
- VKSND huyện Long Mỹ;
- Chi cục THADS huyện Long Mỹ;
- UBND thị trấn V;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.